

THÔNG TƯ

Quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng như sau:

Mục I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam (VND) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng là ngân hàng và các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép (sau đây gọi tắt là ngân hàng) dưới hình thức có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các ngân hàng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá** (sau đây gọi tắt là cho vay cầm cố) là hình thức cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) đối với các ngân hàng trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá thuộc sở hữu của ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.
- Cầm cố giấy tờ có giá** là việc Ngân hàng Nhà nước nắm giữ bản gốc giấy tờ có giá, hoặc yêu cầu ngân hàng chuyển khoản giấy tờ có giá vào tài khoản của Ngân hàng Nhà nước mở tại Trung tâm giao dịch chứng khoán để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho một hay nhiều khoản vay cầm cố của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước.
- Lãi suất cho vay cầm cố** là lãi suất tái cấp vốn mà Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi thực hiện cho vay cầm cố đối với các ngân hàng và được Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng thời kỳ.

4. *Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá* là thời gian tính từ ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân khoản vay cầm cố đối với ngân hàng đến ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá đó.

Điều 3. Đối tượng được vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước

1. Các tổ chức tín dụng là ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay cầm cố

Việc cho vay cầm cố của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Khoản cho vay cầm cố được bảo đảm bằng các giấy tờ có giá đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;
2. Cho vay cầm cố giấy tờ có giá nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các ngân hàng tạm thời thiếu hụt khả năng thanh khoản;
3. Ngân hàng được vay cầm cố phải hoàn trả vốn vay Ngân hàng Nhà nước (cả gốc và lãi) đầy đủ và đúng hạn.

Điều 5. Phương thức thực hiện cho vay cầm cố

1. Phương thức trực tiếp: Các ngân hàng giao dịch trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước.
2. Phương thức gián tiếp: Các ngân hàng giao dịch thông qua hệ thống kết nối mạng vi tính theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Cấp mã số, mã khoá, chữ ký điện tử

Các ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp mã số, mã khoá, chữ ký điện tử cho những người đại diện của ngân hàng để giao dịch qua hệ thống kết nối mạng vi tính với Ngân hàng Nhà nước trong các giao dịch thị trường nhằm thực hiện chế độ bảo mật.

Điều 7. Giấy tờ có giá được cầm cố

1. Tiêu chuẩn giấy tờ có giá được cầm cố:
 - a. Được phát hành bằng đồng Việt Nam (VND);
 - b. Được phép chuyển nhượng;
 - c. Có thời hạn còn lại tối thiểu bằng thời gian vay;
 - d. Giấy tờ có giá thuộc sở hữu hợp pháp của ngân hàng xin vay.
2. Danh mục, thứ tự ưu tiên các giấy tờ có giá được sử dụng cầm cố vay vốn và tỷ lệ giữa giá trị giấy tờ có giá và số tiền vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.
3. Ngân hàng Nhà nước chỉ chấp thuận cho vay cầm cố giấy tờ có giá cấp 2 và các loại giấy tờ khác trong trường hợp ngân hàng xin vay không sở hữu hoặc đã sử dụng hết các loại giấy tờ có giá cấp 1 trong các giao dịch tiền tệ tại thời điểm xin vay.

Điều 8. Giá trị giấy tờ có giá được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay cầm cố

1. Giá trị giấy tờ có giá được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay cầm cố là tổng giá trị phát hành của giấy tờ có giá được tính theo mệnh giá.

2. Tỷ lệ bảo đảm của giá trị giấy tờ có giá so với số tiền vay cầm cố được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

Mục II.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 9. Điều kiện cho vay cầm cố

Ngân hàng Nhà nước xem xét và quyết định thực hiện cho vay cầm cố đối với các ngân hàng khi có đủ các điều kiện sau:

1. Là các ngân hàng quy định tại Điều 3 Thông tư này và không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;
2. Có giấy tờ có giá đủ tiêu chuẩn cầm cố theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;
3. Có hồ sơ đề nghị vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư này;
4. Không có dư nợ quá hạn tại Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm xin vay;
5. Có cam kết về sử dụng tiền vay cầm cố đúng mục đích và trả nợ (gốc và lãi) cho Ngân hàng Nhà nước đúng thời gian quy định.

Điều 10. Thời hạn cho vay cầm cố

1. Ngân hàng Nhà nước cho vay cầm cố đối với các ngân hàng tối đa là 1 năm (365 ngày). Thời hạn cho vay cầm cố tính cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày tết. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì thời hạn cho vay được kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.
2. Căn cứ mục đích vay vốn của ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước quyết định thời hạn cho vay, kỳ hạn thu nợ trong từng trường hợp cụ thể.
3. Trường hợp đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét gia hạn khoản vay cầm cố nhưng thời gian gia hạn không vượt quá thời hạn cho vay lần đầu.

Điều 11. Lãi suất cho vay cầm cố

1. Lãi suất cho vay cầm cố đối với các ngân hàng là lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi thực hiện cho vay cầm cố đối với các ngân hàng tại thời điểm giải ngân khoản vay và duy trì trong suốt thời hạn cho vay.
2. Trường hợp dư nợ vay cầm cố bị chuyển sang nợ quá hạn thì ngân hàng phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ghi trên hợp đồng tín dụng.

Điều 12. Mức cho vay cầm cố

1. Căn cứ mục tiêu chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, nhu cầu vay vốn, giá trị giấy tờ có giá làm bảo đảm và dư nợ các khoản vay khác của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước quyết định mức cho vay cầm cố đối với ngân hàng xin vay.
2. Mức cho vay tối đa không vượt quá giá trị giấy tờ có giá làm bảo đảm được quy đổi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Thẩm quyền tham gia nghiệp vụ vay cầm cố